**Phụ lục 1**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TỈNH TÂY NINH (Cấp tỉnh)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025*

*của Chủ tịch UBND tỉnh)*



| **STT** | **Tên TTHC nội bộ** | **Thẩm quyền giải quyết** | **Cơ quan thực hiện** | **Cơ quan công bố**  **nội dung TTHC** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực Công Thương** | | |  |  |
|  | Ban hành Kế hoạch phát triển chợ. | UBND tỉnh | Sở Công Thương | Sở Công Thương |  |
|  | Ban hành Nội quy chợ mẫu. | UBND tỉnh | Sở Công Thương | Sở Công Thương |  |
| **II** | **Lĩnh vực Công tác văn phòng** | | |  |  |
|  | Thẩm định tài liệu hết giá trị của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | VP UBND tỉnh | VP UBND tỉnh |  |
|  | Rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo kế hoạch hàng năm. | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | VP UBND tỉnh | VP UBND tỉnh |  |
|  | Cập nhật thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ các địa phương được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | Các sở, ngành tỉnh |  |  |
| **III** | **Lĩnh vực Giao thông vận tải** | | |  |  |
|  | Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thuỷ nội địa địa phương | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ | Giám đốc  Sở Xây dựng;  Chánh Thanh tra Sở Xây dựng | Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ | Sở Xây dựng |  |
|  | Xét danh chức chuyên ngành giao thăng nghề nghiệp hạng viên chức thông vận tải | - Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng  - UBND cấp tỉnh | Viên chức chuyên ngành giao thông vận tải làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hành chính được áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan. | Sở Xây dựng |  |
| **IV** | **Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo** | | |  |  |
|  | Phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. | Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trong các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I. | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Điều chỉnh bổ sung danh mục SGK để sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Thủ tục tổ chức cuộc thi, hội thi cấp trung học | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
|  | Thủ tục xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn hàng năm | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |  |
| **V** | **Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ** | | |  |  |
|  | Thành lập sàn giao dịch công nghệ vùng. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh của sáng kiến, đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ do cán bộ, công chức, viên chức là tác giả. | Chủ tịch UBND tỉnh | - Sở Nội vụ  - Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ trợ lý nghiên cứu lên nghiên cứu viên. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ nghiên cứu viên lên nghiên cứu viên chính. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ kỹ thuật viên lên kỹ sư. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ kỹ sư lên kỹ sư chính. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
| **VI** | **Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư** | | |  |  |
|  | Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh. | HĐND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài do địa phương quản lý. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng do địa phương quản lý). | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh). | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh). | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý). | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý). | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lập quy hoạch tỉnh | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Lựa chọn danh sách ngắn. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
| **VII** | **Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội** | | |  |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Nhân viên công tác xã hội lên Công tác xã hội viên. | UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Công tác xã hội viên lên Công tác xã hội viên chính. | UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lên Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động. | UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động lên Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động. | UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
| **VIII** | **Lĩnh vực Ngoại giao** | | |  |  |
|  | Quyết định về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở. | Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Quyết định về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện. | Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở. | Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp huyện. | Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Quyết định về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở. | Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Quyết định về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp huyện. | Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
| **IX** | **Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường** | | |  |  |
|  | Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng địa chính viên hạng III. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng địa chính viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thặng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thặng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III. | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chẩn đoán bệnh động vật hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên Chẩn đoán bệnh động vật hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức từ Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố dịch bệnh động vật thuỷ sản | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố hết dịch bệnh động vật thuỷ sản | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thuỷ sản của địa phương | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thu hồi bằng Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 4 sao | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
|  | Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia | UBND tỉnh | Sở Nông ngiệp và Môi trường | Sở Nông ngiệp và Môi trường |  |
| **X** | **Lĩnh vực Nội vụ** | | |  |  |
|  | Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Nâng bậc lương thường xuyên/ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thẩm định cho ý kiến đối với công chức các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh. | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Lập Kế hoạch biên chế hàng năm của tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Quyết định nghỉ hưu đối với công chức, viên chức. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Bổ nhiệm lãnh đạo cấp sở và tương đương. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp sở và tương đương. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Quy hoạch cán bộ tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (ấp mới, khu phố mới) | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng cờ thi đua của UBND tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng danh Tập thể lao động xuất sắc | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đột xuất | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đối ngoại | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đột xuất | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đối ngoại | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đột xuất | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đối ngoại | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đột xuất | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đối ngoại | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng. | UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Chuyển ngạch công chức. | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã, viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập vào làm công chức. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức từ khối Đảng, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước thuộc tỉnh. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức. | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu. | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Điều động công chức | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Chuyển công tác ngoài tỉnh đối với viên chức | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Biệt phái công chức, viên chức | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Không thực hiện chế độ tập sự cho công chức, viên chức | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Sở Nội vụ |  |
|  | Bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Nội vụ |  |
|  | Bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Nội vụ |  |
|  | Kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đối với công chức, viên chức | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Nội vụ |  |
|  | Bổ nhiệm lãnh đạo cấp Trưởng phòng và tương đương | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh | Sở Nội vụ |  |
| **XI** | **Lĩnh vực Tài chính** | | |  |  |
|  | Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định điều chuyển tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi kết thúc. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại cho Nhà nước. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định bán tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định thanh lý tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định tiêu hủy tài sản công. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. | Sở Tài chính; | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ của cơ quan Việt Nam ở. | UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Cấp phát kinh phí hỗ trợ đối với các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Thẩm định dự toán chi phí thực hiện Dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu. | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |  |
|  | Bổ sung dự toán chi nhiệm vụ đột xuất với mức chi tối đa không quá 20 triệu đồng/vụ việc. | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Chi hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách. | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
| **XII** | **Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông** | | |  |  |
|  | Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 1, 2; xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 1, 2. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 3; xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 3. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Ban hành Thông cáo báo chí giải thích, làm rõ thông tin sai lệch. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu đối với xuất bản phẩm dạng in. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin của các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng I | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng I | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
| **XIII** | **Lĩnh vực Tư pháp** | | |  |  |
|  | Quyết định danh mục wuyetes định của UBND cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền (cấp tỉnh). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật. | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền (cấp tỉnh). | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND cấp tỉnh | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Rà soát, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp phục vụ xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam). | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh hỗ trợ nghiệp vụ hạng II. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp. | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Thành lập Phòng công chứng. | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Giải thể Phòng công chứng. | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng. | UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi nước ngoài | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
| **XIV** | **Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | | |  |  |
|  | Kiểm kê di tích. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Phê duyệt Quy hoạch khảo cổ ở địa phương. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Điều chỉnh Quy hoạch khảo cổ ở địa phương. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng I. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính. | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
| **XV** | **Lĩnh vực Xây dựng** | | |  |  |
|  | Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi công năng đối với nhà ở quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều 57 của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP | UBND cấp tỉnh | Đại diện chủ sở hữu nhà ở có nhu cầu chuyển đổi | Sở Xây dựng |  |
|  | Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý | HĐND cấp tỉnh hoặc UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Quyết định đầu tư và quyết định chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý | HĐND cấp tỉnh hoặc UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Quyết định đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Thuê nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Đặt hàng mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư | UBND cấp tỉnh | Đơn vị được UBND cấp tỉnh giao bố trí nhà ở tái định cư | Sở Xây dựng |  |
|  | Mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư | UBND cấp tỉnh | Đơn vị được UBND cấp tỉnh giao bố trí nhà ở tái định cư | Sở Xây dựng |  |
|  | Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | Chủ đầu tư dự án có nhu cầu chuyển đổi công năng nhà ở | Sở Xây dựng |  |
|  | Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở công vụ không xây dựng theo dự án hoặc nhà ở cũ thuộc tài sản công thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | Đơn vị được giao quản lý nhà ở đề nghị chuyển đổi, Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đối với trường hợp có 01 nhà đầu tư quan tâm đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Thu hồi nhà ở thuộc tài sản công | UBND cấp tỉnh | Đơn vị quản lý nhà ở | Sở Xây dựng |  |
|  | Cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công | UBND cấp tỉnh | Đơn vị quản lý nhà ở | Sở Xây dựng |  |
|  | Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo | UBND cấp tỉnh | UBND cấp xã, UBND cấp huyện | Sở Xây dựng |  |
|  | Xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
|  | Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng |  |
| **XVI** | **Lĩnh vực Y tế** | | |  |  |
|  | Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. | Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A trên địa bàn tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Duyệt dự trù nhu cầu sư dụng thuốc thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế. | Sở Y tế | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch. | Sở Y tế |  | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Bác sĩ y học dự phòng chính. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng chính. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng III. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng  Kỹ thuật y hạng III. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng  Kỹ thuật y hạng II. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Dược sĩ. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng Dược sĩ chính. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II. | UBND tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | Sở Y tế | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Thực hiện đánh giá, xét công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030 | Sở Y tế | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Thủ tục hỗ trợ chi phí điều trị cho cán bộ thuộc diện quản lý của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe Trung ương và tỉnh | Sở Y tế | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
|  | Thủ tục thực hiện giám định tổn thương cơ thể trên người sống | Sở Y tế | Sở Y tế | Sở Y tế |  |
| **XVII** | **Lĩnh vực Thanh tra** | | |  |  |
|  | Ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Báo cáo, nộp lại quà tặng. | UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Xử lý quà tặng đối với quà tặng bằng tiền, giấy tờ có giá; hiện vật; dịch vụ; động, thực vật. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Quyết định áp dụng biện pháp giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Quyết định áp dụng biện pháp đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác và công khai quyết định hủy bỏ việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm (sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch). | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định xác minh tài sản, thu nhập của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; công khai Kết luận xác minh. | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập (theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội; Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.) | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Thực hiện việc giải trình. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Tiếp nhận yêu cầu giải trình. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Cấp mới, cấp đổi Thẻ thanh tra. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Cấp lại Thẻ thanh tra. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
|  | Miễn nhiệm đối với thanh tra viên. | Chủ tịch UBND tỉnh | Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh |  |
| **XVIII** | **Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ** | | |  |  |
|  | Công nhận sáng kiến cấp tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Thủ tục cấp mới hộp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
|  | Thủ tục cấp lại mật khẩu hộp thư điện tử công vụ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |  |
| **XIX** | **Lĩnh vực Thông tin tuyên truyền** | | |  |  |
|  | Biên soạn, duyệt tài liệu, in ấn và phát hành tài liệu tuyên truyền pháp luật | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội bằng hình thức băng rôn, bảng. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |
| **XX** | **Lĩnh vực đất đai** |  |  |  |  |
|  | Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện | Sở Nông nghiệp và Môi trường |  |
| **XXI** | **Lĩnh vực xây dựng văn bản QPPL** | | |  |  |
|  | Thẩm định trong xây dựng văn bản QPPL | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
|  | Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp |  |
| **XXII** | **Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** | | |  |  |
|  | Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
|  | Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) | Sở Tài chính | Sở Tài chính | Sở Tài chính |  |
| **XXIII** | **Lĩnh vực Hoạt động đối ngoại nhà nước** |  |  |  |  |
|  | Thủ tục cho phép Đoàn vào (đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh) | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Thủ tục cho phép phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại địa phương. | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
|  | Thủ tục cử Đoàn ra (cho phép CBCCVC diện địa phương, đơn vị quản lý ra nước ngoài) | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh |  |
| **XXV** | **Lĩnh vực Văn hóa** |  |  |  |  |
|  | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” | UBND tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |  |